

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày 29-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm quân nhân: 2// Nguyễn Ngọc Dương; 1// Lê Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: 1// Trần Thanh Sơn, Cán bộ Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 73 tham gia phiên tòa: 3// Nguyễn Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2021, tại Hội trường f5, QK7. Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 30/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 11/9/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Th; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 16/4/1999 tại tỉnh S; nơi ĐKTT: Ấp B, xã Th, huyện D, tỉnh B; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: B2, CS, a1, b13, c4, d1, e4, f5, QK7; nhập ngũ: ngày 03/3/2021; trình độ văn hoá: Lớp 11; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vắng mặt trái phép tại Quyết định số 01/QĐ-KL ngày 19/4/2021 của c4, d1, e4, f5, QK7 và cảnh cáo về hành vi đào ngũ tại Quyết định số 02/QĐ-TĐ ngày 10/5/2021 của d1, e4, f5, QK7; nhân thân: Không có án tích, có 02 tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến nay tại Trại Tạm giam K35, QK7; có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Tuấn K; có mặt.
2. Phạm Tuấn A; vắng mặt.
3. Nguyễn Quốc T; có mặt.
4. Nguyễn Như H; có mặt.
5. Hồ Thanh Â; vắng mặt.
6. Nguyễn Thị V; vắng mặt.
7. Tăng Như Tr; có mặt.
8. Dương Thị L; vắng mặt.
9. Nguyễn Hồng Ph; vắng mặt.
10. Nguyễn Anh T; có mặt.

11. Dương Lê Anh T; có mặt.
12. Nguyễn Quang Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh Th là B2, CS, a1, b13, c4, d1, e4, f5, QK7 nhập ngũ ngày 03/3/2021. Ngày 14/4/2021 bị cáo Th trốn khỏi đơn vị để gặp và đi chơi với bạn gái là Trần Thị Tuyết Nh sinh năm 2005, đến ngày 16/4/2021 Th về nhà tại ấp B, xã Th, huyện D, tỉnh B thì mẹ bị cáo là Nguyễn Thị V khuyên trở lại đơn vị nhưng bị cáo nói nếu ép lên đơn vị thì sẽ tự tử. Ngày 17/4/2021, chỉ huy đơn vị đến gia đình bị cáo đưa bị cáo về lại đơn vị và xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vắng mặt trái phép (Quyết định số 01/QĐ-KL ngày 19/4/2021 của c4, d1, e4, f5, QK7). Đến khoảng 04 giờ 45 phút, ngày 26/4/2021 bị cáo tiếp tục trốn đơn vị đón xe đến Thành phố Th, tỉnh B và liên lạc với một người tên Nguyễn Minh H không rõ lai lịch tại một quán cà phê, bị cáo mượn H 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động. Sau đó, bị cáo đón xe đến nhà bà Dương Thị L mẹ ruột của Nh tại ấp T, xã B, huyện H, Thành phố H xin ở nhờ và làm mại kềm gia công tại nhà do chồng bà L (Nguyễn Hồng Ph) mỗi tháng được trả công khoảng 5.000.000 đồng.

Trong thời gian bị cáo bỏ trốn đơn vị từ ngày 26/4/2021 đến ngày 05/7/2021, chỉ huy đơn vị đã nhiều lần cử cán bộ đi tìm ở nhiều nơi, nhiều lần đến gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để phối hợp, thông báo, vận động, yêu cầu bị cáo trở lại đơn vị nhưng bị cáo vẫn trốn, trong thời gian bỏ trốn bị cáo được gia đình, bạn gái, mọi người khuyên trở lại đơn vị nhưng bị cáo kiên quyết rời bỏ hàng ngũ. Ngày 10/5/2021 d1, e4, f5 xét kỷ luật (bị cáo Th vắng mặt) và ra quyết định kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Đào ngũ” (Quyết định số 02/QĐ-TĐ ngày 10/5/2021 của d1, e4, f5, QK7). Ngày 11/5/2021 e4 đã làm việc trực tiếp và giao Thông báo số 810/TB-TĐ ngày 11/5/2021 của e4 về việc thi hành kỷ luật cùng các quyết định kỷ luật đối với bị cáo cho gia đình; Ban CHQS huyện D; UBND xã Th, huyện D, tỉnh B.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 03/7/2021 cán bộ đơn vị phối hợp với Công an địa phương đến nhà bà L tìm bị cáo nhưng không gặp, bị cáo biết đơn vị tìm nên ngày 04/7/2021 cùng Nh trốn về nhà Nguyễn Phước E (là em ruột của Nguyễn Hồng Ph) tại ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Đến ngày 05/7/2021 Công an xã P cùng với chỉ huy d1, e4, f5 tiến hành kiểm tra và phát hiện, lập biên bản đưa bị cáo về đơn vị. Ngày 06/7/2021 f5, QK7 có Công văn số 1731/SĐ-TM ngày 06/7/2021 gửi đến cơ quan chức năng đề nghị xử lý quân nhân vi phạm theo quy định pháp luật. Ngày 07/7/2021 Cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 4 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt để tạm giam về tội “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh Th khai rõ hành vi phạm tội đúng như nội dung sự việc diễn ra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng và diễn biến tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Như H, Tăng Như Tr, Nguyễn Anh T, Dương Lê Anh T, Nguyễn Quang Đ cũng như lời khai của những người làm chứng vắng mặt Phạm Tuấn A, Hồ Thanh Á, Nguyễn Thị V, Dương Thị L, Nguyễn Hồng Ph tại các bút lục 70-79; 90-95; 96-101; 106-111; 112-115 hồ sơ đều khai đúng như nội dung sự việc diễn ra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng và diễn biến tại phiên tòa.

Công văn số 1731/SĐ-TM, ngày 06/7/2021 của f5, QK7 về việc đề nghị xử lý quân nhân đào ngũ; Biên bản sự việc, ngày 26/4/2021: Th vắng mặt tại đơn vị; Thông báo số 809/TB-TĐ, ngày 04/5/2021 của e4, f5 về việc quân nhân đào ngũ, yêu cầu quân nhân trở lại đơn vị; Biên bản thông báo đào ngũ đối với quân nhân Nguyễn Thanh Th, ngày 04/5/2021; Biên bản xác minh về việc vắng mặt của quân nhân Nguyễn Thanh Th, ngày 04/5/2021; Biên bản về việc xét kỷ luật quân nhân vi phạm, ngày 05/5/2021; Biên bản sinh hoạt tập thể quân nhân, ngày 06/5/2021; Báo cáo về việc đào bỏ ngũ của quân nhân Nguyễn Thanh Th; Kết luận về hành vi vi phạm của quân nhân Nguyễn Thanh Th, chiến sỹ c4, d1, ngày 10/5/2021; Kết luận về hành vi vi phạm của quân nhân Nguyễn Thanh Th, ngày 07/5/2021; Quyết định về việc thi hành kỷ luật, ngày 10/5/2021: Cảnh cáo về hành vi đào ngũ; Biên bản công bố và giao quyết định kỷ luật về chính quyền đối với Nguyễn Thanh Th, ngày 10/5/2021; Thông báo số 810/TB-TĐ, ngày 11/5/2021 về việc thi hành kỷ luật đối với quân nhân Nguyễn Thanh Th; Biên bản thông báo thi hành kỷ luật đối với quân nhân Nguyễn Thanh Th, ngày 11/5/2021; Biên bản về việc quân nhân đào ngũ chưa trở lại đơn vị, ngày 05/7/2021; Biên bản thu gom quân nhân đào ngũ, ngày 05/7/2021; Báo cáo về việc thu gom quân nhân đào ngũ, ngày 05/7/2021; Báo cáo số 997/BC-TĐ, ngày 06/7/2021 của e4, f5, QK7 đề nghị xử lý về hành vi đào ngũ đối với quân nhân Nguyễn Thanh Th tại các bút lục 02, 03; 05; 08-16; 26; 27; 37-45; 47; 48 hồ sơ.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS73 ngày 28/7/2021, Viện kiểm sát quân sự khu vực 73 truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Th về tội: “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Nguyễn Thanh Th về tội: “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 402 BLHS; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với hành vi bị cáo Th mượn Nguyễn Minh H 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động cũ, do không xác định được nhân thân, lai lịch của H và Th không có ý định chiếm đoạt số tài sản trên nên hành vi này xem là vay mượn dân sự không liên quan đến vụ án. Trong thời gian đào ngũ, bị cáo Th và Trần Thị Tuyết Nh không phát sinh giao cấu hay thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác. Do đó, bị cáo Nguyễn Thanh Th không phạm tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại Điều 145 BLHS. Vì vậy, không có cơ sở xem xét.

Bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến gì khác. Bị cáo không có bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình, rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện trở về với gia đình, chăm lo cho mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, qua lời khai của bị cáo; những người làm chứng có mặt, cũng như vắng mặt; các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh đều phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Thanh Th là B2, CS, a1, b13, c4, d1, e4, f5, QK7 có ý định rời bỏ đơn vị, không muốn phục vụ quân đội, ngày 14/4/2021 bị cáo bỏ trốn khỏi đơn vị về gia đình tại ấp B, xã Th, huyện D, tỉnh B đi chơi với bạn gái Trần Thị Tuyết Nh, đến ngày 17/4/2021 chỉ huy đơn vị đến gia đình bị cáo, đưa bị cáo trở lại đơn vị và xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vắng mặt trái phép. Đến khoảng 04 giờ 45 phút, ngày 26/4/2021 bị cáo tiếp tục trốn đơn vị đón xe đến nhà bà Dương Thị L mẹ ruột của bạn gái tại ấp T, xã B, huyện H, Thành phố H xin ở nhờ và làm mài kèm gia công được khoảng 5.000.000 đồng/tháng cho đến ngày 04/7/2021 bị cáo cùng bạn gái trốn về nhà Nguyễn Phước E tại ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Trong thời gian bị cáo bỏ trốn, chỉ huy đơn vị đã nhiều lần cử cán bộ đi tìm nhiều nơi, nhiều lần đến gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để phối hợp, thông báo, vận động, yêu cầu trở lại đơn vị nhưng bị cáo vẫn trốn, kiên quyết rời bỏ hàng ngũ. Ngày 10/5/2021 chỉ huy đơn vị xét kỷ luật (bị cáo Th vắng mặt) và ra quyết định kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Đào ngũ”, sau đó giao thông báo về việc thi hành kỷ luật cùng các quyết định kỷ luật đối với bị cáo cho gia đình và địa phương. Đến ngày 05/7/2021 Chỉ huy đơn vị

phối hợp cùng với Công an xã P, huyện T, tỉnh Đ phát hiện, lập biên bản đưa bị cáo về đơn vị và đề nghị xử lý quân nhân vi phạm theo quy định pháp luật.

Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đào ngũ” theo quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS.

[3] Trong phần luận tội tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy kết luận của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của BLHS; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; án phí là có căn cứ pháp luật, phù hợp.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là nghiêm trọng, vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ quân sự, không muốn phục vụ quân đội mà bị cáo có hành vi xâm phạm đến kỷ luật, sức mạnh chiến đấu của Quân đội, xâm phạm đến nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, làm suy yếu khả năng sẵn sàng chiến đấu và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tuy nhiên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Đối với hành vi bị cáo mượn Nguyễn Minh H 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động cũ, do không xác định được nhân thân, lai lịch của H và bị cáo không có ý định chiếm đoạt số tài sản trên nên hành vi này xem là vay mượn dân sự không liên quan đến vụ án. Trong thời gian đào ngũ, bị cáo và Trần Thị Tuyết Nh không phát sinh giao cấu hay thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác; Nh và gia đình Nh cũng không có khiếu nại gì. Do đó, bị cáo không phạm tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại Điều 145 BLHS. Đối với hành vi của Dương Thị L, Nguyễn Hồng Ph, Trần Thị Tuyết Nh cho bị cáo ở nhà mình, học nghề, trả lương khi làm việc, không báo cơ quan chức năng về việc bị cáo đang cư trú. Tuy nhiên, những người này đều đồng viên, khuyên bị cáo trở lại đơn vị nhưng không hiệu quả và những hành vi trên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội tương ứng quy định trong BLHS. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát cũng không xem xét, xử lý. Vì vậy, HĐXX thấy rằng không có cơ sở xem xét, xử lý các hành vi trên.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thanh Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Th phạm tội “Đào ngũ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 402 BLHS; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt Nguyễn Thanh Th 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 07/7/2021.

2. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Thanh Th phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/10/2021), bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK7;
- VKSQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQS.KV73;
- ĐTHS.KV4;
- Trại Tạm giam K35;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THA.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa